TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 02 – 2023
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ PH1 Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:134/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc*"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1958 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã L, TP B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Cao Thị H1, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 3A, Phường M, TX. C, Tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H và bà H1 chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 1980 tại UBND xã L, B, Lân Đồng. Sau khi kết hôn thì chúng tôi sinh sống tại TP B, tỉnh Lâm Đồng, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm, không có tiến nói chung về vấn đề con cái cũng như trong kinh tế gia đình, nhiều lần vợ chồng cả vã xung đột, ông H và bà H1 đã nhiều làm đưa đơn lên tòa án yêu

cầu tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó hòa giải và quay về chung sống, nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và không thể sống chung được với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ 2005 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc với nhau nữa và hiện nay bà H1 đang sống tại ấp 3A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Vì vậy ông H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Cao Thị H1

Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà H1 có 04 người con chung tên Nguyễn Khắc D, sinh năm 1980, Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1983, Nguyễn Thục Q, sinh năm 1990, Nguyễn Duy K, sinh năm 1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H trình bày có tài sản chung, nhưng đã thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung : Ông H trình bày không có nợ chung

- Bị đơn bà Cao Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà H1 và ông H đăng ký kết hôn vào năm 1980 tại UBND xã L, B, Lâm Đồng. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống có nhiều bất đồng quan điểm, do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác nên xãy ra cãi vã, xung đột, bà H1 đã nhiều lần khuyên ngăn và tha thứ cho ông H, nhưng ông H không thay đổi. Đến năm 2013 ông H có người phụ nữ khác và có với nhau 02 người con nên bà H1 với ông H đã ly thân với nhau. Ông H cũng đã 05 lần đưa đơn lên tòa để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó ông H lại rút đơn. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà H1 thì bà hoàn toàn không đồng ý vì bà theo đạo công giáo và hiện nay bà H1 đang bị bệnh tật với lại bà H1 muốn giữ đúng luật tôn giáo không muốn ly hôn.

Về con chung: Bà H1 và ông H có 04 người con chung tên Nguyễn Khắc D, sinh năm 1980, Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1983, Nguyễn Thục Q, sinh năm 1990, Nguyễn Duy K, sinh năm 1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.
- Bị đơn : Bà H1 có đơn vắng mặt và không cung cấp chứng cứ hay tài liệu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho ông Nguyễn Văn H ly hôn với bà Cao Thị H1.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của các đương sự, Tòa án nhận định:

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị H1 chung sống và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, B, Lâm Đồng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa ông H và bà H1 là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông H cho rằng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm, không có tiến nói chung về vấn đề con cái cũng như trong kinh tế gia đình, nhiều lần vợ chồng cả vã xung đột, ông H và bà H1 đã nhiều làm đưa đơn lên Tòa án yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó hòa giải và quay về chung sống, nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và không thể sống chung được với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ 2005 cho đến nay. Về phía bà H1 cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn tới cãi vã xung đột và dẫn tới vợ chồng ly thân, nhưng do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chống mới mâu thuẫn, cải vã xung đột và ly thân. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà H1 thì bà không đồng ý vì bị bệnh và theo đạo công giáo không đồng ý ly hôn, phải gữi đúng luật tôn giáo. Xét về mâu thuẫn. gia đình, ông H và bà H1 đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng có cãi vã xung đột dẫn tới không thể sống chung với nhau nên đã ly thân và nhiều lần ông Hiếu đã làm đơn lên tòa yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn quay về chung sống, bà H1 cho rằng ông H có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Đều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

[2.3]. Về con chung: Ông H và bà H1 có 04 người con chung tên Nguyễn Khắc D, sinh năm 1980, Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1983, Nguyễn Thục Q, sinh năm 1990, Nguyễn Duy K, sinh năm 1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6].Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H với bà Cao Thị H1.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00011958 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Cao Thị H1 có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Bình Phước*
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Ngọc